

Bản án số: 13/2024/DS-ST

Ngày: 21-6-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị The

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Bùi Đức Hào

+ Ông Nguyễn Văn Lạc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2024/TLST-DS02/5/2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-DS ngày 20/5/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1979. Địa chỉ: Võ Văn T, Khu phố D, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. (Có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Bà Triệu Thị D1, sinh năm 1980. (Có mặt)

2. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1976. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số A ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Triệu Thị D1: Luật sư Nguyễn Thị Phương T1 - Văn phòng L thuộc đoàn luật sư T2. Địa chỉ: 1 T, Phường I, quận T, TP ..

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tấn V, sinh năm 1969. Địa chỉ: Võ Văn T, Khu phố D, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/3/2024 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Vào ngày 01/6/2023 vợ chồng bà Triệu Thị D1 và ông Nguyễn Văn K có vay của bà số tiền 150.000.000 đồng, với lãi suất 1%/tháng, hạn 03 tháng sau trả gốc và lãi, mục đích vay để đáo nợ Ngân hàng, bà D1 có ký biên nhận vay. Khi đến hạn, bà nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng bà D1 và ông K chỉ trả cho bà được 2.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu bà Triệu Thị D1 và ông Nguyễn Văn K liên đới trả cho bà số tiền vay gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1% từ ngày 01/6/2023 đến ngày 01/3/2024 là 13.500.000 đồng, trừ 2.000.000 đồng bà đã nhận.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị D thống nhất số tiền vay phát sinh từ năm 2021 với lãi suất 1%/tháng và đã tính toán cân trừ qua lại với nhau nên ngày 01/6/2023 bà D1 và ông K còn thiếu số tiền vay gốc 150.000.000 đồng. Bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Triệu Thị D1 và ông Nguyễn Văn K liên đới trả số tiền vay gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1% từ ngày 01/6/2023 đến nay là 12 tháng 20 ngày với số tiền 19.000.000 đồng và trừ 2.000.000 đồng đã nhận nên còn số tiền lãi 17.000.000 đồng. Tổng cộng bà yêu cầu bà Triệu Thị D1 và ông Nguyễn Văn K liên đới trả số tiền 167.000.000 đồng. Bà D yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2024/QĐ-BPKCTT ngày 15/5/2024 của Tòa án.

Bị đơn bà Triệu Thị D1 trình bày:

Bà thống nhất lời trình bày của bà Nguyễn Thị D về việc ngày 01/6/2023 bà có ký biên nhận vay của bà Nguyễn Thị D số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 1%, hạn 03 tháng trả. Tuy nhiên, số tiền này là bà vay của bà D từ năm 2021 và với số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng, bà đã trả lãi 02 tháng với số tiền 38.000.000 đồng. Tính đến ngày 01/6/2023 bà còn thiếu số tiền 150.000.000 đồng tiền vay gốc. Mục đích vay tiền của bà D là cho vay lại, lấy lãi chênh lệch để trang trải cuộc sống trong gia đình, cho con học hành. Do người bà cho vay chưa trả cho bà nên bà chưa có tiền trả cho bà D. Số tiền này là một mình bà vay của bà D, không liên quan đến chồng bà là ông Nguyễn Văn K. Trước yêu cầu khởi kiện của bà D, bà đồng ý trả nợ nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà D, đồng ý trả cho bà D số tiền vốn vay 150.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 01/6/2023 đến nay trừ 2.000.000 đồng tiền lãi bà D đã nhận. Bà trình bày bổ sung là bà lấy lãi chênh lệch từ việc cho vay lại để tự mua sắm cho cá nhân bà chứ không dùng vào việc trang trải cuộc sống gia đình, cho con ăn học vì các con của bà đã nghỉ học. Bà không đồng ý liên đới với ông K trả nợ vì ông K không biết việc bà vay tiền. Bà yêu cầu hủy quyết định biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2024/QĐ-BPKCTT ngày 15/5/2024.

Bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt

ngày 05/6/2024:

Ông không cùng bà D1 mượn tiền của bà D. Việc bà D1 mượn bao nhiêu tiền, bà D giao tiền cho bà D1 như thế nào ông hoàn toàn không biết. Bà D1 cũng không nói cho ông biết, cũng không đưa tiền đã vay cho ông mà đến khi bị khởi kiện ông mới biết. Hàng tháng ông đi làm đem tiền về lo cho gia đình. Giấy mượn tiền ngày 01/6/2023 không có chữ ký của ông, bà D nói vợ chồng ông mượn tiền là không đúng. Do đó ông không đồng ý trả tiền cho bà D. Bà D1 mượn thì bà D1 có trách nhiệm trả, không liên quan đến ông.

Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2024/QĐ-ADBPKCTT ngày 15/5/2024 thì ông không đồng ý vì thừa đất là tài sản riêng của ông, không phải là tài sản chung của vợ chồng. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu buộc ông liên đới trả nợ cho bà D số tiền 150.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh và đề nghị Tòa án hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2024/QĐ-ADBPKCTT ngày 15/5/2024 vì thừa đất là tài sản riêng của ông. Ông xin vắng mặt trong các buổi làm việc, xét xử của vụ án trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn V trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị D, số tiền bà D khởi kiện là tài sản chung của vợ chồng, việc bà D cho bà D1 và ông K vay tiền ông đều biết, giấy mượn tiền ngày 01/6/2023 là do ông viết và ông đồng ý để bà D khởi kiện, ông không có ý kiến khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Triệu Thị D1 trình bày:

Việc bà Triệu Thị D1 vay tiền của bà Nguyễn Thị D được bà D thừa nhận bà D giao tiền cho 01 mình bà D1, không có mặt ông K. Mục đích vay tiền của bà D1 là để cho vay lại, bà D1 cũng có thu nhập từ việc buôn bán, ông K đi làm cũng đưa tiền cho bà D1, các con cũng có thu nhập có đưa tiền cho bà D1 nên bà D1 vay tiền để đi cho vay lại là để tự mua sắm cho cá nhân bà D1 nên căn cứ Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình việc vay tiền của bà D1 không nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong gia đình nên số tiền vay của bà D là nợ riêng của bà D1, bà D1 có nghĩa vụ trả và không liên quan đến ông K. Ông K không có nghĩa vụ đối với bà D nên đề nghị hủy quyết định biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2024/QĐ-BPKCTT ngày 15/5/2024.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của đương sự: Tất cả đều tuân theo pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về trả nợ vay gốc 150.000.000 đồng: Nguyên đơn và bị đơn bà D1 đều trình bày thống nhất vào ngày 01/6/2023 các bên có ký biên nhận chốt số nợ vay tiền là 150.000.000 đồng. Bà D1 đồng ý trả

150.000.000 đồng theo yêu cầu nguyên đơn nên có căn cứ buộc bà D1 trả cho bà D số tiền 150.000.000 đồng. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất yêu cầu của nguyên đơn nên đề nghị chấp nhận. Về yêu cầu nghĩa vụ liên đới của ông Nguyễn Văn K: Bà D1 trình bày bà vay tiền thì ông K không biết, mục đích vay tiền để tiêu xài cá nhân nhưng giữa ông K và bà D1 là vợ chồng hợp pháp; từ trước đến nay ông bà đều sống chung và sinh hoạt chung. Do đó căn cứ buộc ông K có nghĩa vụ liên đới cùng bà D1 trả nợ vay.

Về lãi suất: Bà D1 và bà D trình bày thống nhất bà D1 có trả lãi cho bà D được 2.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu lãi 1%/tháng, tính từ ngày 01/6/2023 đến ngày xét xử nhưng trừ đi 2.000.000 đồng đã nhận là phù hợp nên đề nghị chấp nhận. Đối với ý kiến bà D1 xin được trả dần số nợ vay trên: Nguyên đơn không đồng ý và pháp luật không quy định việc trả dần nên ý kiến bà D1 không được chấp nhận.

Bà D yêu cầu tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 01/2024/QĐ-ADBPKCTT ngày 15/5/2024 của Tòa án để đảm bảo thi hành án cho bà: Do yêu cầu của bà D được chấp nhận nên để đảm bảo thi hành án cho bà D đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà D. Từ phân tích trên căn cứ Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Đề nghị tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 01/2024/QĐ-ADBPKCTT ngày 15/5/2024 của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn bà Triệu Thị D1 và ông Nguyễn Văn K có nơi cư trú tại ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn K: Ông Nguyễn Văn K có bản tự khai và đơn xin vắng mặt ngày 05/6/2024, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông K.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không ai yêu cầu áp dụng thời hiệu nên không đề cập.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Bà Nguyễn Thị D và bà Triệu Thị D1 thống nhất ngày 01/6/2023 bà D1 có ký giấy mượn tiền của bà D với số tiền 150.000.000 đồng. Bà D1 và bà D thống nhất khoản vay phát sinh từ năm 2021 với số tiền 200.000.000 đồng, hai bên đã tự cân trừ qua lại với nhau nên ngày 01/6/2023 còn thiếu số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng và không yêu cầu tính lại. Tại biên nhận ngày

01/6/2023 thể hiện thời hạn trả là 03 tháng nên tính đến ngày 02/9/2023 bà D1 đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay, bà D1 cũng đồng ý trả số tiền vay gốc 150.000.000 đồng cho bà D.

[4.2] Về tiền lãi: Bà Nguyễn Thị D và bà Triệu Thị D1 thống nhất thỏa thuận lãi khi vay là 1%/tháng. Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận 1% tháng là phù hợp với Điều 468 Bộ luật Dân sự. Cách tính lãi cụ thể như sau: 150.000.000 đồng x 1% x 12 tháng 20 ngày (01/6/2023 - 21/6/2024) = 19.000.000 đồng. Bà D và bà D1 thống nhất trừ 2.000.000 đồng bà D1 đã trả cho bà D nên số tiền lãi còn lại là 17.000.000 đồng. Đối với tiền lãi do khoản nợ phát sinh từ năm 2021, bà D1 cho rằng đã giao cho bà D 02 tháng tiền lãi với số tiền 38.000.000 đồng nhưng không được bà D thừa nhận và căn cứ tờ giấy viết tay mà bà D1 cung cấp do bà D giao cũng chỉ thể hiện tiền lãi 1% và đã căn trừ xong đến ngày 01/6/2023 nên không có căn cứ xem xét lại tiền lãi.

[4.3] Về trách nhiệm liên đới: Bà Triệu Thị D1 và ông Nguyễn Văn K là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 25/11/2002. Bà D1 và ông K đều cho rằng chỉ một mình bà D1 vay tiền của bà D mà ông K không biết, ông K không sử dụng số tiền này. Giấy mượn tiền ngày 01/6/2023 thể hiện chỉ có một mình bà D1 vay tiền của bà D. Lời trình bày của bà D1 có mâu thuẫn với nhau, tại biên bản hòa giải ngày 13/5/2024 bà D1 cho rằng vay tiền để cho vay lại để lấy chênh lệch để trang trải cuộc sống trong gia đình, cho con học hành, tại phiên tòa bà D1 trình bày lúc vay tiền các con đều nghỉ học và có thu nhập riêng, bà sử dụng số tiền lãi chênh lệch để tự mua sắm cho cá nhân bà. Nhận thấy, bà D1 và ông Nguyễn Văn K là vợ chồng hợp pháp, vẫn sống chung, bà D1 cho rằng tất cả thu nhập của vợ chồng bà đều quản lý, việc chi tiêu mua sắm gì cũng bàn bạc với ông K nên việc có nguồn tiền lãi phát sinh từ việc cho vay lại cũng nhập vào nguồn thu thập chung của vợ chồng, ông K cũng biết và bà đã chi phục vụ các nhu cầu thiết yếu trong gia đình nên không có căn cứ bà D1 một mình sử dụng số tiền này. Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, ông K có nghĩa vụ liên đới với bà D1 trả số tiền trên cho bà D. Nên lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D1 và bà D1 cho rằng chỉ có bà D1 có nghĩa vụ trả tiền cho bà D là không có cơ sở chấp nhận.

[4.4] Đối với việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2024/QĐ-ADBPKCTT ngày 15/5/2024. Xét thấy, bà D1 và ông K cho rằng diện tích đất tại thửa 156 diện tích 2259m² là tài sản riêng của ông K, ông K không có nghĩa vụ liên đới với bà D1 trả nợ cho bà D nên yêu cầu hủy biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2024/QĐ-ADBPKCTT ngày 15/5/2024. Tuy nhiên, căn cứ vào lập luận ở mục [4.3] thì ông K phải có nghĩa vụ liên đới với bà D1 trả số tiền vốn vay và lãi cho bà D. Tại hồ sơ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện V cung cấp thể hiện ngày 06/01/2023 ông K và bà D1 đã lập hợp đồng tặng cho con các thửa đất 29, 533, 569, 570 nên việc yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với thửa đất số 156 là cần thiết để đảm bảo việc thi hành án. Nên yêu cầu hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2024/QĐ-ADBPKCTT ngày 15/5/2024

là không có cơ sở chấp nhận nên tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên.

[5] Đối với yêu cầu trả mỗi tháng 2.000.000 đồng của bà Triệu Thị D1 không được bà Nguyễn Thị D đồng ý và pháp luật không quy định việc trả dần nên không chấp nhận. Đối với ông Nguyễn Tấn V là chồng của bà Nguyễn Thị D, ông đồng ý để một mình bà D thực hiện việc khởi kiện không có ý kiến khác nên Tòa án không xem xét.

[6] Từ những lập luận trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D, chấp nhận lời đề nghị của Viện kiểm sát.

[7] Về án phí: Bà Triệu Thị D1 và ông Nguyễn Văn K phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho bà Nguyễn Thị D (167.000.000 đồng x 5% = 8.350.000 đồng). Bà Nguyễn Thị D được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 111, 112, 126, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Triệu Thị D1 và ông Nguyễn Văn K.

Buộc bà Triệu Thị D1 và ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 167.000.000 đồng (một trăm sáu mươi bảy triệu đồng). Trong đó 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) tiền vay gốc và 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2024/QĐ-ADBPKCTT ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

3. Về án phí:

Buộc bà Triệu Thị D1 và ông Nguyễn Văn K phải liên đới chịu 8.350.000 đồng (tám triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

H lại cho bà Nguyễn Thị D 4.038.000 đồng (bốn triệu không trăm ba mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 02/5/2024 theo biên lai số 0002569.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- CCTHADS huyện Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị The